

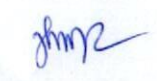
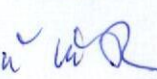
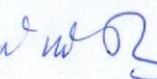
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

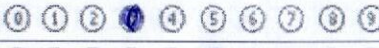
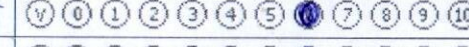
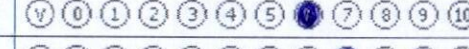
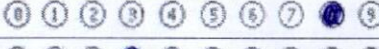
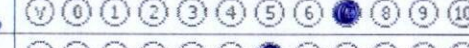
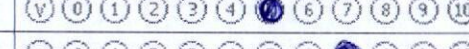
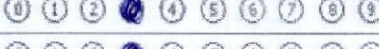
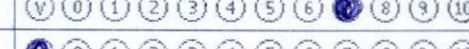
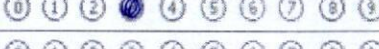
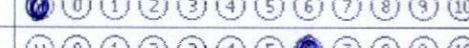
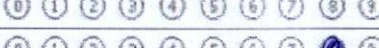
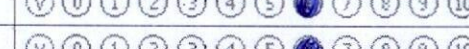
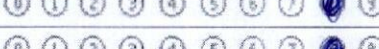
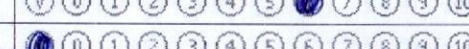
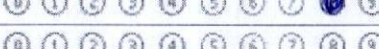
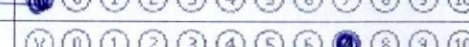
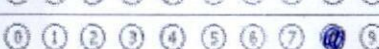
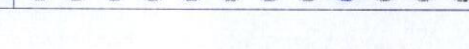
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Nhập môn chuyên ngành điều khiển tự động (228281) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Văn Trung (280028)**

Số SV có mặt: 19
Số bài thi: 19
Số tờ giấy thi: 19

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			
	Ng. T. L. Phương		Ng. T. L. Phương

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122150081	HUỲNH QUỐC BẢO	21/02/2004	CCQ2215C								
2	2122150047	HUỲNH VĂN BẢO	10/08/2004	CCQ2215C								
3	2122150013	NGUYỄN QUỐC BẢO	29/05/2004	CCQ2215A			Bảo	8.5	6.4	7.3		
4	2122150028	LÊ TẤN BĂNG	29/09/2004	CCQ2215A			Băng	6.5	6.1	6.3		
5	2122150040	HUỲNH DUY BÌNH	08/10/2004	CCQ2215A			Bình	9.0	6.1	7.3		
6	2122150078	LƯƠNG VĂN BÌNH	24/10/2004	CCQ2215C			Bình	6.5	6.5	6.5		
7	2122150002	TRƯƠNG THANH BÌNH	07/10/2003	CCQ2215A			Bình	8.0	5.9	6.8		
8	2122150090	NGUYỄN VĂN CHƯƠNG	17/04/2004	CCQ2215C			Chương	9.0	6.1	7.3		
9	2122150001	PHỤNG TẤN GIA CỐP	09/07/2004	CCQ2215A			Gia Cốp	6.5	4.4	5.3		
10	2122150080	NGUYỄN DUY CƯỜNG	21/04/2004	CCQ2215C			Cường	7.0	7.4	7.3		
11	2122150082	NGUYỄN CÔNG DANH	09/11/2004	CCQ2215C			Danh					
12	2122150068	NGÔ THANH DIỆU	14/08/2004	CCQ2215C			Diệu	8.0	5.9	6.8		
13	2122060017	VÕ HOÀNG DUY	01/10/2004	CCQ2215A			Duy	7.0	6.6	6.8		
14	2122150069	HỨA HẢI ĐƯƠNG	27/10/2004	CCQ2215C			Đương					
15	2122150052	TRẦN MINH DƯƠNG	20/04/2004	CCQ2215C			Đương	8.5	6.8	7.5		
16	2122150027	LỮ PHAN THÀNH ĐẠT	12/02/2004	CCQ2215A			Đạt	7.0	6.2	6.5		
17	2122150049	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	25/04/2004	CCQ2215C			Đạt	8.5	8.5	8.5		
18	2122150053	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	27/04/2004	CCQ2215C			Đạt					
19	2122150026	HOÀNG NGUYỄN NHẬT ĐĂNG	09/08/2004	CCQ2215A			Đăng	6.0	5.6	5.8		
20	2122150046	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	10/11/2004	CCQ2215C			Định	9.0	6.5	7.5		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

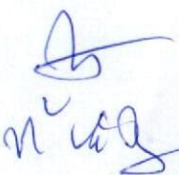
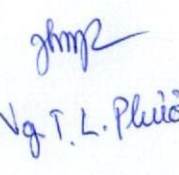
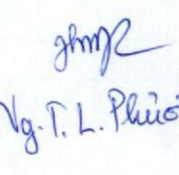
Môn học: **Nhập môn chuyên ngành điều khiển tự động (228281) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Văn Trung (280028)**

Số SV có mặt: 19.....

Số bài thi: 19.....

Số tờ giấy thi: 19.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			
N. Văn Trung	Ng. T. L. Phương	N. Văn Trung	Ng. T. L. Phương

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122150033	NGUYỄN QUỐC ĐOÀN	10/10/2004	CCQ2215A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2122150077	NGUYỄN DUY ĐÔNG	15/07/2004	CCQ2215C				7.0	6.2	6.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2122150034	NGUYỄN XUÂN GIÁP	16/12/2004	CCQ2215A				8.0	5.1	6.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2122150065	NGUYỄN NGỌC HẢI	28/12/2004	CCQ2215C				5.3	6.3	6.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2122150024	HUỲNH THANH HÀO	02/03/2004	CCQ2215A				9.0	6.9	7.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

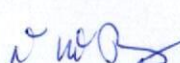
Môn học: **Nhập môn chuyên ngành điều khiển tự động (228281) - Nhóm 02**

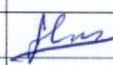
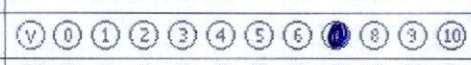
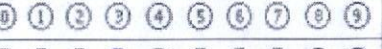
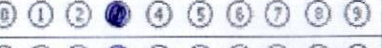
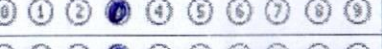
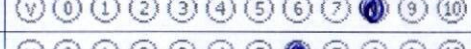
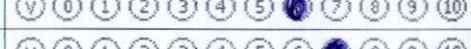
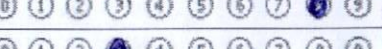
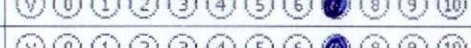
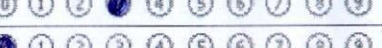
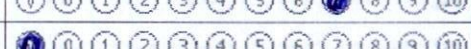
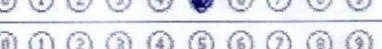
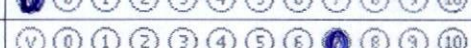
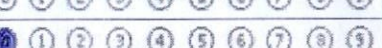
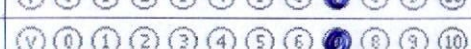
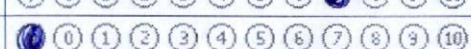
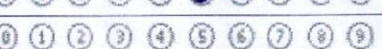
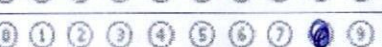
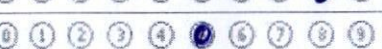
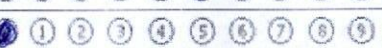
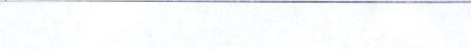
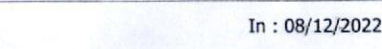
CBGD: **Nguyễn Văn Trung (280028)**

Số SV có mặt: 21.....

Số bài thi: 21.....

Số tờ giấy thi: 21.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			
	Ng. T. L. Phương		Ng. T. L. Phương

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122150023	NGUYỄN QUỐC HOÀI	08/01/2004	CCQ2215A				8.0	7.2	7.5		
2	2122150036	NGUYỄN KHẮC NAM HOÀNG	21/03/2004	CCQ2215A								
3	2122150021	HOÀNG VĂN HUẤN	06/06/2004	CCQ2215A			Huấn	8.5	8.1	8.3		
4	2122150057	HUỖNH HUY HÙNG	17/08/2004	CCQ2215C			Hùng	7.0	5.8	6.3		
5	2122150061	PHẠM VĂN HÙNG	25/08/2004	CCQ2215C			Thao	7.0	5.8	6.3		
6	2122150032	VI TUẤN	21/03/2004	CCQ2215A			Thùng	9.0	8.2	8.5		
7	2122150054	ĐẶNG QUANG HUY	08/04/2003	CCQ2215C			Ly	8.0	5.9	6.8		
8	2122150018	ĐINH VĂN HUY	27/02/2004	CCQ2215A			Huy	8.0	6.1	7.3		
9	2122150060	NGUYỄN QUANG HUY	07/10/2004	CCQ2215C			Huy	9.0	5.7	7.0		
10	2122150045	NGUYỄN TẤN HUY	24/01/2004	CCQ2215C			Ly	9.0	6.5	7.5		
11	2122150075	TRẦN ĐÌNH HUY	30/03/2004	CCQ2215C								
12	2122150074	TRẦN QUANG HUY	27/08/2004	CCQ2215C			Huy	9.0	5.7	7.0		
13	2122150043	GIẢ TẤN HUYỀN	17/06/2004	CCQ2215A			Thùng	8.5	6.8	7.5		
14	2122150098	TRẦN HOÀNG HƯNG	10/09/2003	CCQ2215C								
15	2122030206	PHẠM TUẤN KHANH	31/12/2004	CCQ2215A			Khánh	9.0	8.6	8.8		
16	2122150020	TRẦN MINH KHÔI	30/07/2001	CCQ2215A				7.5	7.5	7.5		
17	2122150063	TRƯƠNG GIA KIẾN	22/01/2004	CCQ2215C			Kiến	5.0	5.0	5.0		
18	2122150099	PHAN VĂN KIẾT	23/05/2004	CCQ2215C				9.0	8.2	8.5		
19	2122150044	LA NGỌC LÊ	29/08/2004	CCQ2215C			Ly	7.5	6.7	7.0		
20	2122150066	NGUYỄN THÀNH LONG	24/08/2004	CCQ2215D								

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

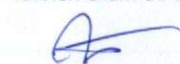
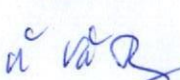
Môn học: **Nhập môn chuyên ngành điều khiển tự động (228281) - Nhóm 02**

CBGD: **Nguyễn Văn Trung (280028)**

Số SV có mặt: 21.....

Số bài thi: 21.....

Số tờ giấy thi: 41.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			
	Ng. T. L. Phương	Nguyễn Văn Trung	Ng. T. L. Phương

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122150083	LÊ ĐỨC LỘC	23/11/2004	CCQ2215D				8.5	6.8	7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122150067	NGUYỄN ĐỨC LỘC	23/10/2004	CCQ2215D				8.5	8.1	8.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122150015	NGUYỄN HUỲNH MINH LÝ	12/04/2004	CCQ2215A				8.0	6.8	7.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122150101	NGUYỄN MINH LÝ	28/12/2003	CCQ2215A				9.0	8.6	8.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122150004	PHAN VĂN LÝ	26/06/2004	CCQ2215A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122150089	TRƯƠNG CÔNG LÝ	28/09/2004	CCQ2215D				8.0	5.5	6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9